

Số: 67 /2020/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng  
mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của  
Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của  
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối,  
sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của  
các cơ quan Đảng, Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05 tháng 11 năm 2019 của  
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ  
Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và  
bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ  
quan Đảng, Nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số  
52/TTr-STTTT ngày 03/9/2020 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 223/BC-STP  
ngày 26/8/2020 của Sở Tư pháp).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Bình Định.

11

11

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Bưu điện Trung ương-Bộ TT&TT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT TU, HỒND, UBMTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, K9. *vu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Nguyễn Phi Long**

10

10

10

**QUY CHẾ**

**Quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Bình Định**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 67 /2020/QĐ-UBND  
ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về việc quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Các nội dung khác quy định về quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (viết tắt là Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT), Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT (viết tắt là Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT) và các văn bản khác liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng là hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, được sử dụng riêng trong hoạt động truyền số liệu và ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước do Cục Bưu điện Trung ương là chủ mạng, quản lý, điều hành hoạt động Mạng (sau đây gọi là mạng truyền số liệu chuyên dùng và viết tắt là “mạng TSLCD”). Mạng TSLCD bao gồm mạng TSLCD cấp I và mạng TSLCD cấp II.

2. Mạng TSLCD cấp I là phân hệ của mạng TSLCD kết nối tới các thiết bị đầu cuối tại Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, các Bộ, Ban, ngành và các cơ quan tương đương trực thuộc Trung ương, Tỉnh ủy/Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban

nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Cục Bưu điện Trung ương cung cấp, quản lý, vận hành và khai thác.

3. Mạng TSLCD cấp II là phân hệ của mạng TSLCD kết nối tới các thiết bị đầu cuối tại các cơ quan cấp huyện bao gồm Quận/Huyện/Thị ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Quận/Huyện; các cơ quan cấp xã bao gồm Đảng ủy xã/phường, các cơ quan tương đương cấp xã/phường do doanh nghiệp viễn thông cung cấp, quản lý, vận hành và khai thác trên địa bàn.

4. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Bình Định là các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, huyện, các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh có điểm kết nối vào mạng TSLCD cấp II.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG TSLCD CẤP II**

#### **Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành mạng TSLCD cấp II**

1. Quản lý, vận hành mạng TSLCD cấp II phải bảo đảm khai thác hiệu quả tài nguyên mạng và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Mạng TSLCD cấp II được quản lý, vận hành tập trung, thống nhất; được sử dụng đúng mục đích, thiết thực, hiệu quả, an toàn, được rà soát, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất để đảm bảo an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao trong quá trình vận hành, sử dụng.

3. Mạng TSLCD cấp II phải được bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, liên tục (24 giờ/ngày và 07 ngày/tuần).

4. Việc sử dụng dữ liệu, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ.

5. Các doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II tham gia quản lý và vận hành mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

6. Triển khai mạng TSLCD cấp II bằng hình thức tập trung do Sở Thông tin và Truyền thông ký hợp đồng khung với doanh nghiệp viễn thông, đảm bảo khả năng vận hành và cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.

7. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, kiểm tra các doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định của pháp luật trong điều hành hoạt động, duy trì, đảm bảo an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

#### **Điều 5. Danh mục dịch vụ và ứng dụng khai thác trên mạng TSLCD cấp II**

1. Dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II bao gồm: dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng và các dịch vụ cộng thêm được quy định tại Điều 5 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Ứng dụng khai thác trên mạng TSLCD cấp II bao gồm:
  - a. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh;
  - b. Hệ thống thư điện tử Công vụ của tỉnh;
  - c. Phần mềm Một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4;
  - d. Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh;
  - e. Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP) phục vụ truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

3. Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác yêu cầu đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và giữa tỉnh với cơ quan trung ương.

#### **Điều 6. Giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II**

1. Cước phí sử dụng mạng TSLCD cấp II được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước tỉnh và áp dụng theo Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng TSLCD của cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh thực hiện công khai giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II theo quy định.

### **Chương III**

#### **QUY ĐỊNH VỀ KẾT NỐI VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN MẠNG TSLCD CẤP II**

##### **Điều 7. Yêu cầu kết nối đối với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II**

1. Các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II phải kết nối qua hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông.

2. Hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT và Khoản 2, Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Doanh nghiệp viễn thông phải bảo đảm kết nối giữa các điểm thuộc mạng TSLCD cấp II theo nhu cầu sử dụng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh; bảo đảm thực hiện các yêu cầu kết nối theo yêu cầu của Cục Bưu điện Trung ương và tuân thủ theo Phụ lục mô hình kết nối mạng TSLCD được hướng dẫn tại Công văn số 273/BTTTT-CBĐTƯ của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 31/01/2020 về việc hướng dẫn mô hình tham chiếu về kết nối mạng cho bộ, ngành, địa phương.

4. Doanh nghiệp viễn thông phải thiết lập địa chỉ IP, thông số kết nối cho đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II đã được Cục Bưu điện Trung ương hướng dẫn, quy hoạch cho tỉnh Bình Định.

## **Điều 8. Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD cấp II**

1. Quy định chung về bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Mạng TSLCD cấp II phải bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên mạng TSLCD cấp II phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng mạng TSLCD. Thông tin quan trọng truyền tải trên mạng TSLCD phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, mã hóa bằng mật mã cơ yếu.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

#### **Điều 9. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 18 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy chế về sử dụng, chia sẻ, lưu trữ thông tin và an toàn thông tin trên mạng TSLCD.

3. Tiếp nhận các phản ánh của các cơ quan, đơn vị trong quá trình sử dụng mạng TSLCD; Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập nhật ký theo dõi hoạt động của các thiết bị kết nối mạng TSLCD cấp II; quá trình kết nối, sử dụng mạng TSLCD cấp II.

4. Lập dự toán kinh phí sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm triển khai các nhiệm vụ, duy trì hoạt động mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II**

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 16 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.



2. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông trong thực hiện các quy định của pháp luật về điều hành hoạt động, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

3. Chỉ được phép lắp đặt mới, mở rộng kết nối mạng TSLCD cấp II trong các cơ quan nhà nước khi có văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Kịp thời thông báo các loại cước phí, dịch vụ, chính sách sử dụng dịch vụ mới ban hành theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

5. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thiết lập địa chỉ IP kết nối vào mạng TSLCD khi có yêu cầu từ Sở Thông tin và Truyền thông; tiếp nhận và xử lý các yêu cầu, vướng mắc của các cơ quan đơn vị trong quá trình sử dụng mạng TSLCD cấp II.

## **Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II**

### **1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

a) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 19 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Thiết lập địa chỉ IP trên các máy trạm tham gia vào hệ thống mạng nội bộ của đơn vị; chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin của đơn vị được truyền tải trên mạng TSLCD cấp II.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng trong việc thiết lập hệ thống máy chủ, cài đặt thiết bị, địa chỉ IP kết nối mạng TSLCD cấp II; tổ chức khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm do đơn vị chủ trì triển khai trên mạng TSLCD cấp II.

d) Xây dựng quy chế nội bộ về sử dụng mạng TSLCD tại đơn vị.

đ) Trước ngày 01 tháng 12 hằng năm báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD cấp II trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị để tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **2. Phối hợp xử lý sự cố kết nối với mạng TSLCD cấp II**

a) Đối với các sự cố thông thường (về kết nối, tốc độ, chất lượng dịch vụ...) các đơn vị liên hệ trực tiếp đầu mối bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II để được hỗ trợ khắc phục sự cố.

b) Đối với các sự cố nghiêm trọng (các sự cố liên quan đến an toàn thông tin, mất dữ liệu...) ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cơ quan, đơn vị; vượt quá khả năng tự khắc phục của cơ quan, đơn vị phải nhanh chóng thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để điều phối việc khắc phục.

c) Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến mạng TSLCD cấp II phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước tối thiểu 05 ngày làm việc để phối hợp, nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể mạng TSLCD.

### **Điều 13. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng mạng TSLCD cấp II**

1. Người sử dụng (thuộc các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II) khi kết nối vào mạng TSLCD cấp II phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II. Mọi vi phạm tùy thuộc vào mức độ, đều bị xem xét, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Không tự ý cài đặt, lắp đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên mạng TSLCD cấp II; không cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; đảm bảo các quy định về an toàn thông tin khi sử dụng các dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Sở Thông tin và Truyền thông tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nội dung quy định của Quy chế này.

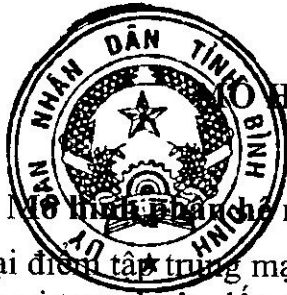
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung; các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
Nguyễn Phi Long

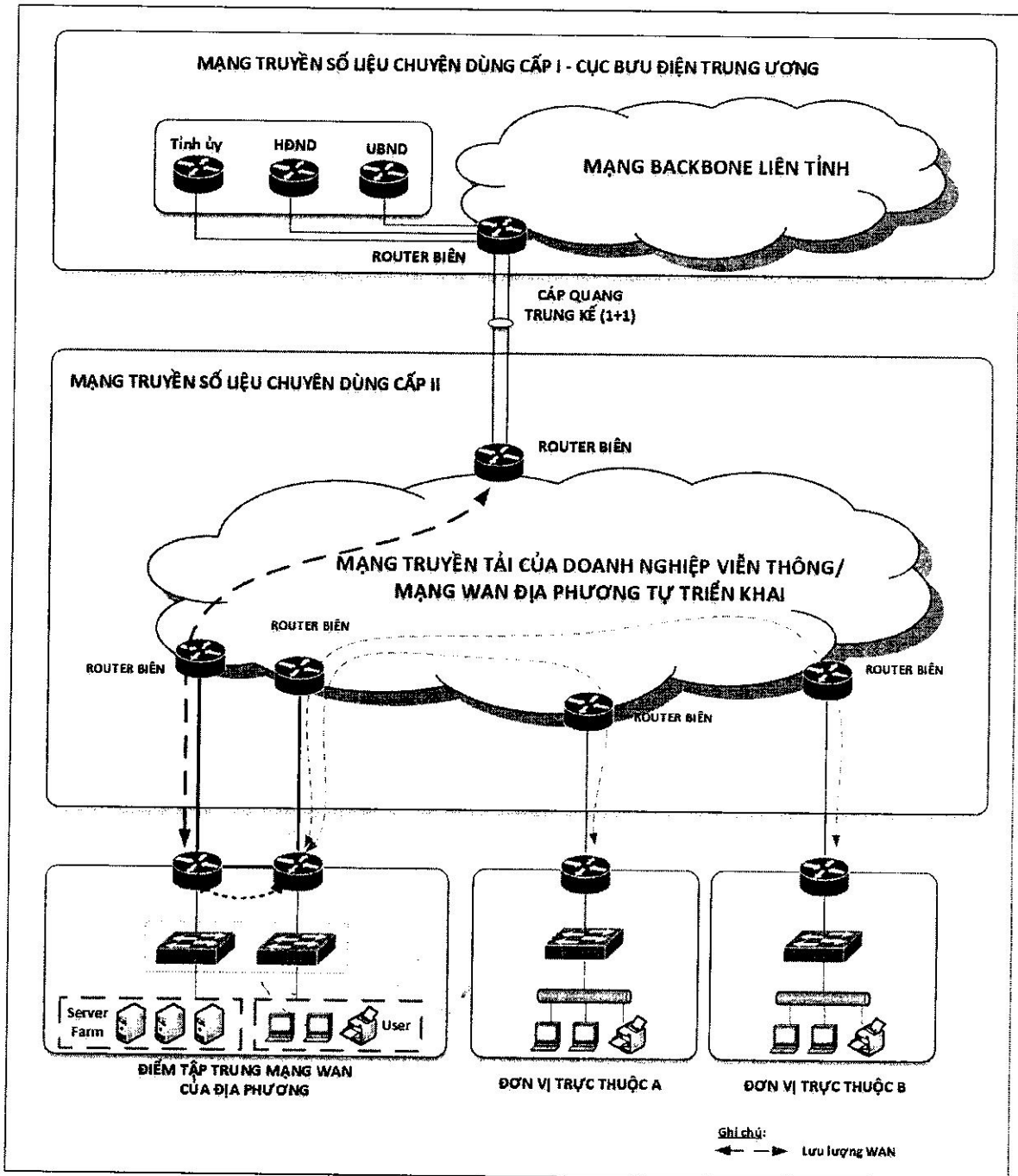


**Phụ lục**

**HÌNH KẾT NỐI MẠNG TSLCD**

**1. Mô hình phân hệ mạng WAN:**

Tại điểm tập trung mạng WAN của tỉnh thực hiện chuyển tiếp lưu lượng từ các đơn vị trực thuộc đến các ứng dụng tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh; Đối với lưu lượng Internet: thực hiện rẽ nhánh trực tiếp tại cổng kết nối của các đơn vị trực thuộc.



**2. Mô hình phân hệ mạng LAN:**

